Ký bởi: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 17/06/2024 14:22:01

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 11 /2024/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 17 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Điều 20 Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thực hiện Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030";

Căn cứ Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chính sách hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 88/TTr-STP ngày 03 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, BTP (để kiểm tra);
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Như Điều 3 (thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Đoàn Luật sư tỉnh; Hội Luật gia tỉnh;
- Các tổ chức đại diện doanh nghiệp;
- Báo Tuyên Quang; Đài PT&TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh; (đăng tải)
- Công báo tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Loan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản mới đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh).

2. Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

4. Đoàn Luật sư tỉnh; các tổ chức đại diện doanh nghiệp; doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự quản lý toàn diện, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

4. Việc phối hợp phải được thực hiện kịp thời, chính xác, chặt chẽ, hiệu quả.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 4. Nội dung, hình thức phối hợp

1. Nội dung phối hợp

a) Phối hợp cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật.

b) Phối hợp cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý; cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa *(sau đây viết tắt là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP)*.

đ) Phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chính sách hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND)*.

2. Hình thức phối hợp

a) Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

b) Tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Cử đại diện tham gia các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phối hợp cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến Sở Tư pháp trong thời hạn quy định tại Điều 16 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật *(sau đây viết tắt là Nghị định số 52/2015/NĐ-CP)* để thực hiện cập nhật lên *"Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang"* thuộc *"Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật"*.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật và thuộc tính của các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lên *"Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang"* thuộc *"Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật"* trong thời hạn quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP.

Điều 6. Phối hợp cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân huyện, thành phố công bố bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án trên Cổng thông tin điện tử của tòa án theo quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

2. Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp công bố quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kết nối Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang với cổng thông tin điện tử công khai các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan.

b) Gửi các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa được phép công khai, có hiệu

lực thi hành mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

Điều 7. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý; cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý

a) Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý và chịu trách nhiệm đối với nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

2. Phối hợp cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý

a) Đối với văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với vướng mắc pháp lý lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành; gửi văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

b) Đối với văn bản trả lời của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trả lời đối với vướng mắc pháp lý:

Cơ quan, đơn vị ban hành văn bản trả lời gửi văn bản trả lời của mình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành để cập nhật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang; gửi đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản trả lời của cơ quan, đơn vị lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản.

Điều 8. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức đại diện doanh nghiệp, tổ chức khác có liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 01 của năm đầu tiên trong giai đoạn thực hiện chương trình.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai, tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tiến độ thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tư pháp tổng hợp trước ngày 15 tháng 01 của năm đầu tiên trong giai đoạn thực hiện chương trình.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của cơ quan, đơn vị mình, đồng gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp trước ngày 15 tháng 02 của năm đầu tiên trong giai đoạn thực hiện chương trình.

3. Các tổ chức đại diện doanh nghiệp, Đoàn Luật sư tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 9. Phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND

1. Phối hợp thực hiện chính sách bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND.

a) Các tổ chức đại diện doanh nghiệp trên cơ sở kết quả khảo sát, tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng kiến thức pháp luật của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, xây dựng dự toán kinh phí và lập danh sách đăng ký tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh của năm sau, gửi Sở Tư pháp trước ngày 31 tháng 7 để tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định,

trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí cho Sở Tư pháp cùng với dự toán hàng năm để ký hợp đồng với tổ chức đại diện của doanh nghiệp tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND.

b) Các tổ chức đại diện doanh nghiệp tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết với Sở Tư pháp.

c) Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tư pháp, các tổ chức đại diện của doanh nghiệp tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp theo quy định.

2. Phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ tư vấn pháp luật quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND.

a) Đoàn Luật sư tỉnh, các tổ chức đại diện doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ tư vấn pháp luật tại Điều 4 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND đến thành viên của tổ chức mình và các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra, thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

c) Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn về hồ sơ thanh toán thực hiện hỗ trợ tư vấn pháp luật theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP; Điều 6 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi lĩnh vực thẩm quyền quản lý có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Điều 6 Quy chế này.

3. Đoàn Luật sư tỉnh, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này và pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện./.